

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư số **313/2004/QĐ-BKH** ngày **30/3/2004** về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

**BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH
VÀ ĐẦU TƯ**

Căn cứ Luật Khiếu nại, tố cáo ngày 02 tháng 12 năm 1998;

Căn cứ Pháp lệnh Thanh tra ngày 01 tháng 4 năm 1990; Nghị định số 244/HĐBT ngày 30/6/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về tổ chức của hệ thống Thanh tra Nhà nước và biện pháp đảm bảo hoạt động thanh tra;

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 61/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Chỉ thị số 29/2003/CT-TTg ngày 23/12/2003 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh quản lý đầu tư và xây dựng bằng nguồn vốn nhà nước;

Sau khi thống nhất với Tổng Thanh tra Nhà nước;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra và Vụ trưởng Vụ Tổ chức Cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về tổ chức và hoạt động Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức Cán bộ và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH
VÀ ĐẦU TƯ**

Võ Hồng Phúc

QUY CHẾ về tổ chức và hoạt động Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư

(ban hành kèm theo Quyết định số 313/2004/QĐ-BKH ngày 30/3/2004 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện chức năng thanh tra nhà nước về kế hoạch và đầu tư trong phạm vi cả nước.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Thanh tra kế hoạch và đầu tư.

1. Thanh tra kế hoạch và đầu tư tuân theo pháp luật Việt Nam, các thỏa thuận, điều ước quốc tế khác mà Chính phủ Việt Nam đã ký kết và các quy định tại Quy chế này;

2. Hoạt động thanh tra kế hoạch và đầu tư phải bảo đảm chính xác, khách quan, công khai, dân chủ và kịp thời;

3. Không một cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân nào được can thiệp trái pháp luật vào hoạt động thanh tra kế hoạch và đầu tư.

Điều 3. Phạm vi và đối tượng thanh tra kế hoạch và đầu tư.

1. Phạm vi: Thanh tra việc chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước về kế hoạch và đầu tư trong phạm vi cả nước, bao gồm:

- Cơ chế chính sách quản lý kinh tế chung và một số lĩnh vực cụ thể;

- Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, ngành, vùng và lãnh thổ;

- Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội;

- Đầu tư trong nước và nước ngoài;

- Nguồn Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA);

- Đấu thầu;

- Khu công nghiệp - Khu chế xuất;

- Đăng ký kinh doanh;

- Một số lĩnh vực khác thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Đối tượng thanh tra bao gồm:

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài tham gia các hoạt động có liên quan đến lĩnh vực kế hoạch và đầu tư được quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 4. Trách nhiệm và quyền hạn của đối tượng thanh tra

1. Các tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra hoặc liên quan đến cuộc thanh tra có trách nhiệm thực hiện đầy đủ yêu cầu của Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định của pháp luật thanh tra và Quy chế này; có nghĩa vụ tôn trọng và tạo mọi điều kiện cần thiết để hoạt động thanh tra kế hoạch và đầu tư được thuận lợi, có hiệu quả.

2. Các tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra có quyền khiếu nại việc thanh

tra, kiểm tra trong trường hợp thanh tra, kiểm tra trái quy định của pháp luật.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ TỔ CHỨC

Điều 5. Nhiệm vụ

Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư có các nhiệm vụ sau:

1. Tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ theo chương trình, kế hoạch được duyệt hoặc đột xuất việc chấp hành chính sách, pháp luật về kế hoạch và đầu tư trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Nghị định số 61/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ), được quy định cụ thể tại Điều 3 của Quy chế này;

2. Tiếp dân, xác minh, kết luận, kiến nghị việc giải quyết khiếu nại hoặc biện pháp xử lý tố cáo thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

3. Phối hợp với thanh tra các Bộ, ngành và địa phương giải quyết các vụ việc thuộc lĩnh vực kế hoạch và đầu tư;

4. Đề xuất với Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư việc thanh tra, kiểm tra các nội dung quy định tại Điều 13 Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm

vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

5. Theo dõi, đôn đốc Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của đơn vị, của cán bộ công chức do đơn vị quản lý trực tiếp; xem xét, kết luận nội dung khiếu nại, tố cáo mà Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ đã giải quyết nhưng chưa đúng với quy định pháp luật hoặc đương sự còn khiếu nại; trong trường hợp kết luận việc giải quyết khiếu nại, tố cáo chưa đúng pháp luật thì kiến nghị người đã giải quyết xem xét, giải quyết lại.

6. Hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện các quy định của Nhà nước về công tác thanh tra, xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Hướng dẫn nghiệp vụ thanh tra kế hoạch và đầu tư cho Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư;

7. Thực hiện các quy định của Nhà nước về bảo vệ bí mật trong quá trình thanh tra;

8. Thực hiện chế độ báo cáo với Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Tổng Thanh tra Nhà nước về hoạt động thanh tra theo quy định;

9. Thường trực Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công tác chống tham nhũng, chống tiêu cực;

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao;

11. Thực hiện các nhiệm vụ chung theo quy định tại pháp luật khiếu nại tố cáo và thanh tra hiện hành.

Điều 6. Quyền hạn

Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư có các quyền hạn sau:

1. Yêu cầu đối tượng thanh tra và tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu, báo cáo bằng văn bản, trả lời các câu hỏi về những vấn đề có liên quan trực tiếp đến nội dung thanh tra;

2. Trưng cầu giám định, thu thập, xác minh chứng cứ có liên quan đến nội dung thanh tra;

3. Kiến nghị cấp có thẩm quyền đình chỉ công tác đối với các cá nhân cố ý cản trở trái pháp luật việc thanh tra của Đoàn thanh tra hoặc Thanh tra viên;

4. Kiến nghị tạm đình chỉ thi hành quyết định kỷ luật hoặc chuyển chuyển công tác đối với người đang cộng tác với Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoặc đang là đối tượng thanh tra nếu xét thấy việc thi hành Quyết định này gây trở ngại cho việc thanh tra;

5. Chuyển hồ sơ vụ việc vi phạm pháp luật sang cơ quan điều tra hình sự có thẩm quyền giải quyết nếu xét thấy có dấu hiệu tội phạm;

6. Kiến nghị Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải quyết những vấn đề có liên quan đến nội dung thanh tra, công tác thanh tra. Trong trường hợp kiến nghị đó không được chấp thuận thì có quyền bảo lưu và báo cáo với Tổng Thanh tra Nhà nước;

7. Các quyền hạn khác theo quy định tại pháp luật về khiếu nại, tố cáo và thanh tra hiện hành.

Điều 7. Tổ chức

Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư có Chánh thanh tra, các Phó Chánh thanh tra và các Thanh tra viên được bổ nhiệm theo quy định của pháp luật.

1. Chánh thanh tra có các quyền hạn quy định tại văn bản pháp luật về khiếu nại tố cáo và thanh tra hiện hành, chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Tổng thanh tra Nhà nước về toàn bộ hoạt động thanh tra của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

2. Các Phó Chánh thanh tra được Chánh thanh tra phân công phụ trách theo từng lĩnh vực hoặc từng mặt công tác, chịu trách nhiệm trước Chánh thanh tra về những lĩnh vực công tác được giao;

3. Các Thanh tra viên do Chánh thanh tra phân công công tác và chịu trách nhiệm trước Chánh thanh tra về những công việc được giao;

4. Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư có

con dấu riêng, có cấp phòng; biên chế và tổ chức do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quyết định.

Điều 8. Trình tự, thủ tục thanh tra và nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn thanh tra

1. Trình tự, thủ tục thanh tra được thực hiện theo quy định của pháp luật thanh tra hiện hành và được cụ thể cho một số nội dung sau:

a) Chương trình, kế hoạch thanh tra

Căn cứ để xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra, bao gồm:

- Yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

- Đề xuất của các Cục, Vụ, Viện, đơn vị trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng tình hình kinh tế - xã hội, xác định những nội dung, lĩnh vực, Bộ, ngành, địa phương, dự án có nhiều vướng mắc, tồn tại cần được thanh tra, kiểm tra để phòng ngừa, chấn chỉnh, xử lý vi phạm hoặc để sửa đổi, bổ sung chính sách, cơ chế quản lý cho phù hợp;

- Nội dung phản ánh, đề xuất của các cơ quan nhà nước và các phương tiện thông tin đại chúng, các đơn thư khiếu nại, tố cáo của các tổ chức và công dân;

- Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư phát hiện và đề xuất.

b) Quyết định thanh tra

Quyết định thanh tra do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ký hoặc do Chánh Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư ký thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Quyết định thanh tra dựa trên các cơ sở sau đây:

- Chương trình, kế hoạch công tác thanh tra được xây dựng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

- Yêu cầu thanh tra đột xuất.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn thanh tra, của thành viên Đoàn thanh tra được thực hiện theo quy định của pháp luật thanh tra hiện hành.

Chương III

QUAN HỆ PHỐI HỢP CÔNG TÁC

Điều 9. Quan hệ với Thanh tra Nhà nước.

1. Chịu sự hướng dẫn của Thanh tra Nhà nước về công tác, tổ chức, nghiệp vụ thanh tra;

2. Tham gia các hoạt động thanh tra theo đề nghị của Thanh tra Nhà nước.

Điều 10. Quan hệ với Thanh tra các Bộ, cơ quan ngang Bộ.

1. Phối hợp với Thanh tra các Bộ để tổ chức thực hiện công tác thanh tra về kế hoạch và đầu tư có liên quan thuộc phạm vi quản lý của các Bộ, cơ quan ngang Bộ;

2. Được phép mời cán bộ của các Bộ, cơ quan ngang Bộ tham gia các cuộc thanh tra, xác minh, giải quyết khiếu nại, tố cáo có liên quan;

3. Tham gia các hoạt động thanh tra theo đề nghị của Thanh tra các Bộ, cơ quan ngang Bộ.

Điều 11. Quan hệ với Thanh tra các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

1. Phối hợp với Thanh tra các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để tổ chức thực hiện công tác thanh tra về kế hoạch và đầu tư có liên quan trên địa bàn của địa phương;

2. Được phép mời cán bộ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tham gia các cuộc thanh tra, xác minh, giải quyết khiếu nại, tố cáo có liên quan.

Điều 12. Quan hệ với Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Phối hợp với Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thực hiện công tác thanh tra về kế hoạch và đầu tư thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2. Được phép yêu cầu Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp tài liệu, thông tin hoặc cử cán bộ có năng lực tham gia Đoàn thanh tra;

3. Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm gửi báo cáo công tác thanh tra định kỳ 6 tháng và hàng năm về

Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Thanh tra Nhà nước.

Điều 13. Quan hệ với các Cục, Vụ, Viện, đơn vị trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

1. Thanh tra Bộ:

a) Được phép đề xuất trưng dụng, điều động cán bộ của các Cục, Vụ, Viện, đơn vị có liên quan tham gia các hoạt động thanh tra của Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thanh tra Nhà nước, Thanh tra các Bộ, cơ quan ngang Bộ;

b) Tham gia công tác kiểm tra do các Cục, Vụ, Viện, đơn vị có liên quan tổ chức;

c) Có trách nhiệm thông tin cho các Cục, Vụ, Viện, đơn vị có liên quan về những hoạt động của tổ chức hoặc cá nhân có dấu hiệu vi phạm chính sách, pháp luật Nhà nước.

2. Các Cục, Vụ, Viện, đơn vị trực thuộc Bộ:

a) Chịu trách nhiệm xem xét, giải quyết hoặc phối hợp với Thanh tra Bộ xem xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của đơn vị, của cán bộ công chức thuộc đơn vị hoặc theo sự phân công của lãnh đạo Bộ và báo cáo kết quả giải quyết vụ việc cho lãnh đạo Bộ, đồng thời gửi Thanh tra Bộ để theo dõi;

b) Có trách nhiệm phát hiện, đề xuất phạm vi, đối tượng, nội dung cần thanh tra, kiểm tra để phòng ngừa, ngăn chặn

các sai phạm có thể xảy ra và phục vụ cho công tác quản lý;

c) Tổ chức công tác kiểm tra các lĩnh vực có liên quan đã được ghi trong chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của đơn vị mình;

d) Tham gia công tác thanh tra do Bộ giao và tạo điều kiện thuận lợi về thông tin, tài liệu cần thiết phục vụ cho công tác thanh tra có liên quan đến đơn vị mình;

e) Cử cán bộ có năng lực tham gia Đoàn thanh tra theo yêu cầu của Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thanh tra Nhà nước và Thanh tra các Bộ, cơ quan ngang Bộ; cán bộ được cử tham gia Đoàn thanh tra phải chịu sự quản lý, phân công công tác của người ra quyết định thanh tra hoặc của Trưởng Đoàn thanh tra, thực hiện nội quy của Đoàn thanh tra và chịu trách nhiệm về những nhiệm vụ được giao;

f) Văn phòng Bộ có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ phương tiện làm việc cho hoạt động thanh tra.

Chương IV

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 14. Khen thưởng

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong

hoạt động thanh tra được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Xử lý vi phạm

Cá nhân lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình vi phạm các quy định của Quy chế này hoặc xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư, cản trở hoạt động của Thanh tra kế hoạch và đầu tư, mua chuộc, vu khống, trả thù cán bộ thanh tra, trả thù người khiếu nại, tố cáo, thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử theo quy định của pháp luật.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức Cán bộ và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Điều 17. Chánh Thanh tra Bộ có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Quy chế này. Trong quá trình thực hiện nếu thấy có điều gì cần sửa đổi, bổ sung thì báo cáo Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, quyết định./.

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH
VÀ ĐẦU TƯ

Võ Hồng Phúc